TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 7 – 2026
V/v yêu cầu không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Khắc Chương

2. Bà Nguyễn Thị Lan Hương

***Thư ký phiên toà*:** Bà Trịnh Thanh Vân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 365/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2026, về việc *"Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2026/QĐXXST-HN ngày 03 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ma Â, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Thôn M, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Ya M, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Thôn M, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự đều vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 5 năm 2026, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Ma Â trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Ya M chung sống và kết hôn với nhau vào năm 2013 tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nhưng giấy chứng nhận kết hôn bị thất lạc bà không tìm thấy, bà đã làm thủ tục xin cấp trích lục kết hôn nhưng chính

quyền địa phương trả lời không có thông tin kết hôn của bà nên không cấp lại được. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại thôn M, xã T, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông Ya M thường hay bỏ về nhà cha mẹ đẻ sống, cứ đi đi về về nhiều lần. Ông bà đã cố gắng nói chuyện, hoà giải mâu thuẫn nhưng không được. Nay nhận thấy mâu thuẫn không thể hoà giải, tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà yêu cầu Toà án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Ya M.

Về con chung: Bà và ông Ya M có 02 con chung tên J RLơng Linh Đa, sinh ngày 08/6/2013 và Jơ RLơng Khen Ny, sinh ngày 04/6/2020. Khi Toà án giải quyết ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, bà không yêu cầu ông Ya M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Ya M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Ma Â tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2013, không có giấy kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi cưới thì chung sống với gia đình vợ tại thôn M, xã T, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông không còn tình cảm với vợ. Nay ông đồng ý theo yêu cầu của bà Ma Â do tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn được nữa.

Về con chung: Ông và bà Ma Â có 02 con chung tên J RLơng Linh Đa, sinh ngày 08/6/2013 và Jơ RLơng Khen Ny, sinh ngày 04/6/2020. Khi Toà án giải quyết ly hôn ông đồng ý giao 02 con chung cho bà Ma Â trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên toà, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử là đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ma Â và ông Ya M.

Về con chung: Giao con chung là Jơ RLơng Linh Đa, sinh ngày 08/6/2013 và Jơ RLơng Khen N, sinh ngày 04/6/2020 cho bà Ma Â trực tiếp nuôi dưỡng cho đến ngày thành niên, bà Ma Â không yêu cầu ông Ya M cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Xuất phát từ việc bà Ma Â yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Ya M. Căn cứ khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là *"Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng"*. Bị đơn cư trú tại xã T, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Tại đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bà Ma Â cho rằng bà và ông Ya M có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lâm Đồng) nhưng giấy chứng nhận kết hôn bị thất lạc. Tuy nhiên, tại văn bản về việc trả lời xác minh tình trạng hôn nhân số 505/UBND-VP ngày 01/6/2026 của Ủy ban nhân dân xã T thì "*Qua kiểm tra xác minh sổ đăng ký kết hôn và cơ sở dữ liệu Hộ tịch điện tử đang được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã T thời điểm năm 2013 không có thông tin đăng ký kết hôn, đăng ký lại kết hôn của ông Ya M và bà Ma Â"*. Do đó, có thể xác định bà Ma Â và ông Ya M chung sống với nhau vào năm 2013 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, do vậy việc kết hôn giữa ông Ya M và bà Ma Â không tuân thủ quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên không có giá trị về mặt pháp lý, không

làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà Ma Â yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Ya M, ông Ya M đồng ý. Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ma Â và ông Ya M là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Bà Ma Â và ông Ya M có 02 con chung tên J RLơng Linh Đa, sinh ngày 08/6/2013 và Jơ RLơng Khen Ny, sinh ngày 04/6/2020. Sau khi ly hôn bà Ma Â yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung cho đến ngày thành niên, ông Ya M đồng ý giao hai con cho bà Ma Â nuôi dưỡng, con Jơ RLơng Linh Đa có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, giao hai con Jơ RLơng Linh Đa, sinh ngày 08/6/2013 và Jơ RLơng Khen N, sinh ngày 04/6/2020 cho bà Ma Â trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thoả thuận về người trực tiếp nuôi con của hai bên cũng như phù hợp với nguyện vọng của con.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ma Âm không yêu cầu ông Ya M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] về tài sản chung, nợ chung: Bà Ma Â và ông Ya M không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ma Â về việc *"Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng"* đối với ông Ya M.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ma Â và ông Ya M.

Về con chung: Giao con chung tên J RLơng Linh Đ, sinh ngày 08/6/2013 và Jơ RLơng Khen N, sinh ngày 04/6/2020 cho bà Ma Â trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến ngày thành niên. Ông Ya M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí: Buộc bà Ma Â phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí bà Ma Â đã nộp theo biên lai thu số 0009553 ngày 21 tháng 5 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Ma Â, ông Ya M có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 2- Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 2 – Lâm Đồng;
- Lưu: AV, hồ sơ vụ án.

TAND KHU VỰC 2

NZQ220726.TLQDBA
1934

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Hằng